

Số: KH1T-29/11h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023

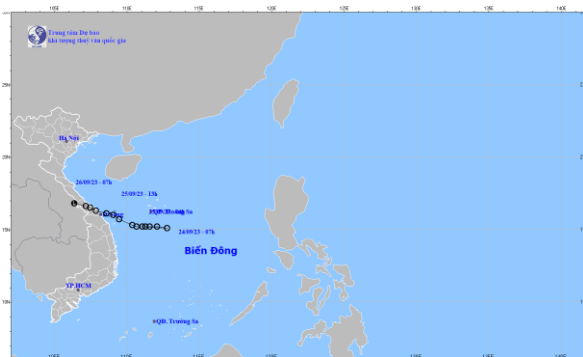
**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(Từ ngày 11/10-10/11/2023)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ 11/9-10/10/2023

- Thời tiết nguy hiểm:

+ *Bão/Áp thấp nhiệt đới (ATNĐ)*: Từ ngày 11/9-10/10/2023 đã xuất hiện 01 ATNĐ và 01 cơn bão trên khu vực Biển Đông, cụ thể: Chiều ngày 24/9, một vùng áp thấp trên vùng biển phía Đông Nam của quần đảo Hoàng Sa đã mạnh lên thành ATNĐ, tốc độ gió mạnh cấp 6, giật cấp 8 và di chuyển theo hướng Tây với tốc độ khoảng 10-15km/h. Đêm 25/9, sau khi di chuyển vào vùng ven biển Quảng Trị-Đà Nẵng, ATNĐ di chuyển vào đất liền các tỉnh Quảng Trị-Thừa Thiên Huế và suy yếu nhanh thành một vùng áp thấp (Hình 1).

Cơn bão số 4-KOINU (5/10-10/10): Chiều ngày 05/10, bão KOINU đã đi vào vùng biển phía Đông Bắc của Biển Đông và trở thành cơn bão số 4 trong năm 2023. Sức gió mạnh nhất vùng gần tâm bão mạnh cấp 12, giật cấp 15, di chuyển chủ yếu theo hướng Tây Tây Bắc, đến sáng ngày 10/10 suy yếu thành một vùng áp thấp trên khu vực đảo Hải Nam Trung Quốc và tan dần (Hình 2).



Hình 1: Đường đi của cơn ATNĐ tháng 9 Hình 2: Đường đi của cơn bão số 4 KOINU

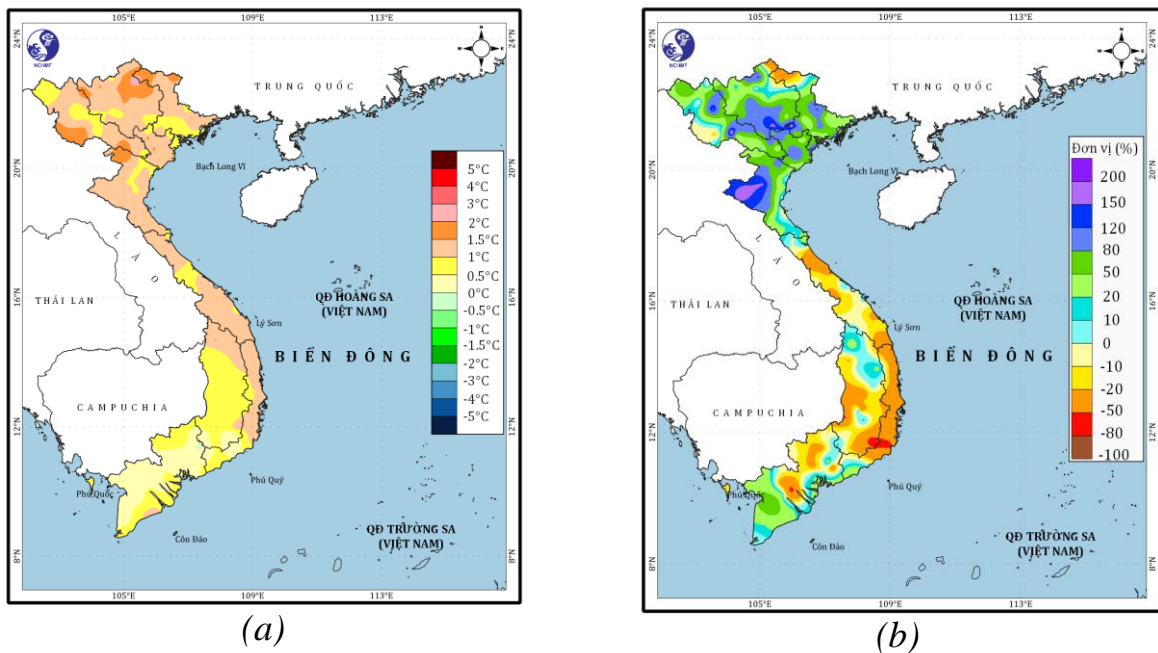
+ *Đông, lốc, sét*: Từ ngày 11/9-10/10/2023 trên cả nước đã xảy ra 04 trận dông, lốc, sét (Bảng 1-Phụ lục).

+ *Nắng nóng*: Trong thời kỳ qua, (từ ngày 11/9-10/10/2023) đã xuất hiện nắng

nóng tại khu vực Đồng bằng Bắc Bộ trong ngày 22-23/9 và ngày 04-05/10, với với nhiệt độ cao nhất tuyệt đối phổ biến ở mức từ 35,0-36,0⁰C; các khu vực khác tại Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ chỉ có nắng nóng cục bộ. Trong đó, đợt nắng nóng ngày 04-05/10, một số nơi đã quan trắc được giá trị nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày vượt giá trị lịch sử (GTLS) trong cùng thời kỳ.

Ngoài ra, một số nơi tại khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ, mặc dù nhiệt độ ở dưới ngưỡng nắng nóng, tuy nhiên một số nơi có giá trị vượt lịch sử cùng thời kỳ quan trắc được (Bảng 2 và Bảng 3-Phụ lục).

+ *Không khí lạnh (KKL)*: Từ ngày 11/9-10/10, xuất hiện 01 đợt KKL (ngày 08/10, tại trạm Bạch Long Vỹ đã quan trắc được gió Đông Bắc mạnh cấp 6, giật cấp 8).



Hình 2: Chuẩn sai nhiệt độ trung bình (⁰C) từ ngày 11/9-10/10/2023 (a); Tỷ chuẩn lượng mưa (%) từ ngày 11/9-10/10/2023 (b)

+ *Nhiệt độ trung bình*: Trong thời kỳ từ ngày 11/9-10/10/2023, nhiệt độ trung bình trên cả nước phổ biến cao hơn từ 1,0-1,5⁰C so với trung bình nhiều năm (TBNN), riêng khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ phổ biến cao hơn từ 0,5-1,0⁰C so với TBNN (Hình 2a).

+ *Lượng mưa*:

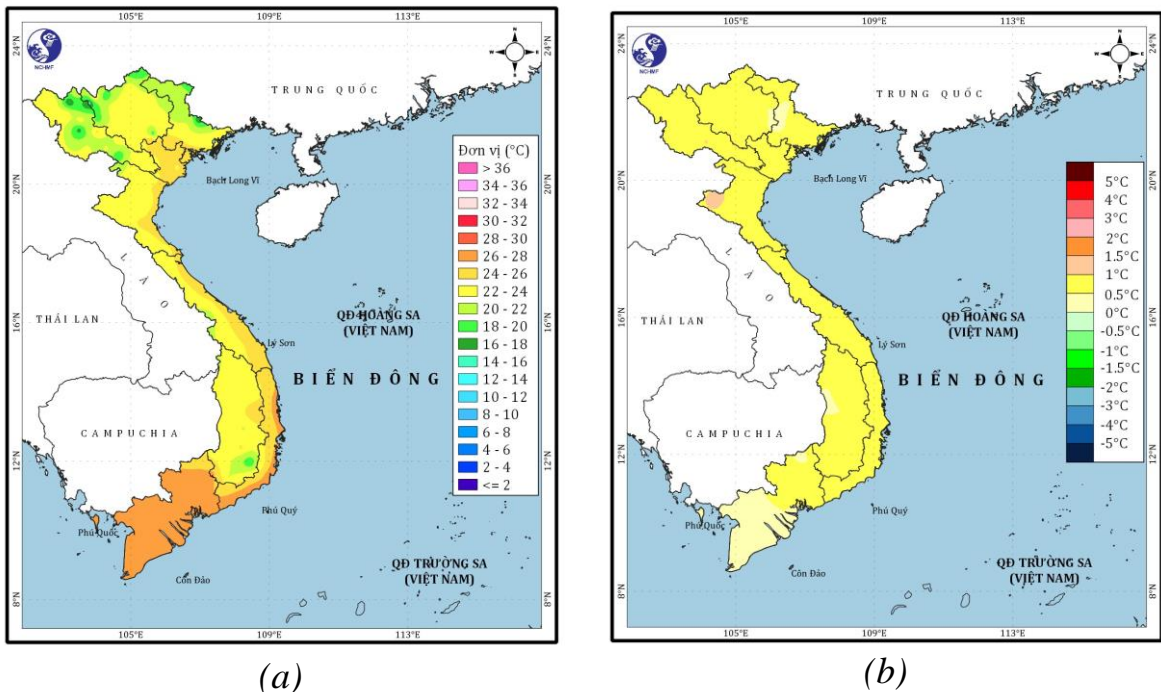
Từ ngày 11/9-10/10/2023 đã xuất hiện nhiều ngày mưa diện rộng, cụ thể: từ ngày 08-21/9, 25-29/9, mưa tập trung chủ yếu tại khu vực Bắc Bộ và Trung Bộ; từ ngày 30/9-03/10 tại khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ có mưa vừa và dông do ảnh hưởng của dải hội tụ nhiệt đới kết hợp với gió mùa Tây Nam. Đáng lưu ý, đêm ngày 06 và ngày 07/10, do ảnh hưởng của không khí

lạnh kết hợp với hội tụ gió trên cao, khu vực Bắc Bộ đã có rào và dông diện rộng, cục bộ có mưa vừa, mưa to. Tại Trung Bộ, do ảnh hưởng không khí lạnh, kết hợp rãnh thấp có trục qua khu vực Trung và Nam Trung Bộ, mưa dông kéo dài đến ngày 10/10 với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 70-150mm, đặc biệt khu vực Nam Nghệ An đến Quảng Bình có lượng mưa từ 150-300mm, có nơi cao hơn như tại Hà Tĩnh 311mm, Hoàng Sơn (Hà Tĩnh) 362mm. Khu vực Tây Nguyên và Nam Bộ trong một tháng qua tiếp tục xảy ra nhiều ngày có mưa diện rộng. Trong thời kỳ cũng có một số nơi có giá trị mưa ngày vượt giá trị lịch sử (Bảng 4 và 5-Phụ lục).

Từ ngày 11/9-10/10/2023, TLM tại Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, miền Tây Nam Bộ phổ biến cao hơn 50-80%, có nơi cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ; các khu vực còn lại phổ biến xấp xỉ, riêng Nam Trung Bộ thấp hơn từ 20-40% so với TBNN (Hình 2b).

2. Dự báo xu thế khí hậu tháng thời kỳ từ 11/10-10/11/2023

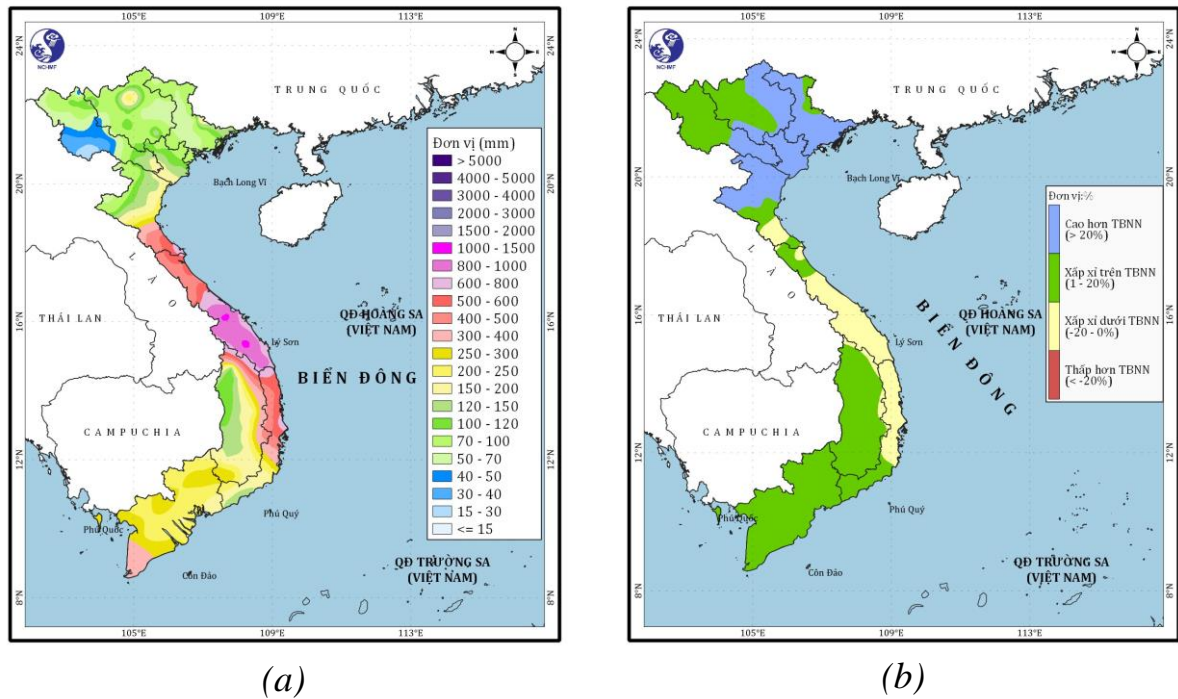
- **Nhiệt độ trung bình:** Trên phạm vi toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN hơn từ 0,5-1,0⁰C, có nơi cao hơn (Hình 3b).



Hình 3: Nhiệt độ TBNN (⁰C) thời kỳ 11/10-10/11 (a); Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình (⁰C) từ ngày 11/10-10/11/2023 (b)

- **Lượng mưa:** Trong thời kỳ từ 11/10-10/11/2023, TLM trên khu vực Bắc Bộ, phía Bắc khu vực Bắc Trung Bộ phổ biến xấp xỉ trên đến cao hơn so với TBNN (cao hơn từ 10-30%); Tây Nguyên và Nam Bộ phổ biến ở mức xấp xỉ

trên so với TBNN (cao hơn từ 5-15%); khu vực phía Nam của Bắc Trung Bộ, Trung và Nam Trung Bộ phổ biến ở mức xấp xỉ dưới so với TBNN cùng thời kỳ (thấp hơn từ 5-15%) (Hình 4b).



Hình 4: Tổng lượng mưa TBNN thời kỳ 11/10-10/11/2023 (mm) (a); Dự báo xu thế lượng mưa từ 11/10-10/11/2023 (b)

- Cảnh báo thời tiết nghiêm:

+ Trong thời kỳ từ 11/10-10/11/2023, có khả năng xuất hiện khoảng từ 01-02 cơn bão/ATNĐ trên khu vực Biển Đông và có thể ảnh hưởng đến đất liền nước ta.

+ KKL trong thời kỳ 11/10-10/11/2023 có tiếp tục có xu hướng hoạt động gia tăng dần về tần suất và cường độ.

+ Các đợt mưa vừa, mưa to tiếp tục có khả năng xảy ra và tập trung tại khu vực Trung Bộ; Tây Nguyên và Nam Bộ có nhiều ngày mưa rào và dông, trong đó cục bộ có mưa vừa, mưa to.

+ Hiện tượng dông, lốc, sét, mưa đá: Tiếp tục xuất hiện trên phạm vi toàn quốc.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội: Trong thời kỳ 11/10-10/11/2023, bão/ATNĐ, KKL có khả năng gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên các vùng biển, gây ảnh hưởng đến các hoạt động hàng hải và đánh bắt hải sản trên biển của ngư dân. Thời kỳ này cũng là thời gian chính của mùa mưa tại khu vực Trung Bộ, do vậy các đợt mưa lớn do ảnh hưởng của các hình thể thời tiết như

KKL kết hợp với dải hội tụ nhiệt đới và nhiễu động gió Đông trên cao sẽ gây các đợt mưa lớn trên khu vực, do vậy đề phòng nguy cơ cao lũ quét và sạt lở đất đá trên khu vực. Ngoài ra, trên phạm vi toàn quốc tiếp tục xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá có thể ảnh hưởng đến sản xuất và các hoạt động dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình và lượng mưa từ ngày 11/10-10/11/2023

| Khu vực dự báo (các trạm khí tượng đặc trưng) | Thời kỳ 11-20/10 | | Thời kỳ 21-31/10 | | Thời kỳ 01-10/11 | | Cả thời kỳ | |
|--|------------------|----------|------------------|----------|------------------|----------|------------|----------|
| | Ttb (°C) | TLM (mm) | Ttb (°C) | TLM (mm) | Ttb (°C) | TLM (mm) | Ttb (°C) | TLM (mm) |
| Sơn La (Miền núi phía Bắc) | 22,5-23,5 | 10-20 | 21,5-22,5 | 10-20 | 20,0-21,0 | 10-20 | 21,5-23,5 | 40-60 |
| Việt Trì (Miền núi phía Bắc) | 25,5-26,5 | 20-40 | 24,5-25,5 | 20-40 | 24,0-25,0 | 15-30 | 24,5-25,5 | 60-100 |
| Hải Phòng (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ) | 25,0-26,0 | 25-50 | 24,5-25,5 | 20-40 | 23,5-24,5 | 15-30 | 24,5-25,5 | 80-120 |
| Hà Đông (Đồng bằng và trung du Bắc Bộ) | 25,5-26,5 | 25-50 | 24,5-25,5 | 30-50 | 24,0-25,0 | 30-50 | 25,0-26,0 | 100-150 |
| Vinh (Bắc Trung Bộ) | 25,5-26,5 | 200-300 | 24,5-25,5 | 150-200 | 24,5-25,5 | 30-70 | 25,5-26,5 | 350-550 |
| Huế (Trung Trung Bộ) | 25,5-26,5 | 250-400 | 25,0-26,0 | 200-300 | 24,5-25,5 | 150-200 | 25,0-26,0 | 600-850 |
| Nha Trang (Nam Trung Bộ) | 27,0-28,0 | 60-100 | 26,5-27,5 | 150-200 | 26,5-27,5 | 100-150 | 27,0-28,0 | 300-450 |
| Buôn Ma Thuột (Tây Nguyên) | 24,0-25,0 | 50-100 | 23,5-24,5 | 40-70 | 23,5-24,5 | 30-70 | 24,0-25,0 | 150-250 |
| Châu Đốc (Nam Bộ) | 27,5-28,5 | 80-130 | 27,5-28,5 | 60-100 | 27,5-28,5 | 40-80 | 27,5-28,5 | 200-300 |

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);

- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %).

Tin phát ngày: 11/10/2023

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 21/10/2023./.

Dự báo viên: Nguyễn Tiến Toàn

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Chúc

Phụ lục

Bảng 1: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ từ ngày 11/9-10/10/2023

(Nguồn: Website Hệ thống giám sát thiên tai Việt Nam, Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống thiên tai)

| Hiện tượng | Khu vực | Thời gian xảy ra |
|-------------------|---|-------------------------|
| Lốc | Xã Xá Lượng, Yên Na, Yên Hòa, Nhôn Mai, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An | 19/9/2023 |
| | Xã Hồng Thái, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận | 05/10/2023 |
| Đông, sét | Bắc Quang, Bắc Mê, Hà Giang | 13/9/2023 |
| | Xã Mường Toong, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên | 18/9/2023 |

Bảng 2: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày ($^{\circ}\text{C}$) vượt GTLS từ ngày 11-30/9/2023

| Trạm khí tượng | GTLS tháng 9 | Năm xuất hiện | Giá trị vượt GTLS | Ngày xuất hiện giá trị vượt GTLS |
|-----------------------|---------------------|----------------------|--------------------------|---|
| Phan Ri (Bình Thuận) | 36,0 | 2019 | 36,2 | 13/9/2023 |
| Đắk Tô (Kon Tum) | 32,8 | 1979 | 33,1 | 22/9/2023 |
| Playcu (Gia Lai) | 31,3 | 2021 | 31,9 | 20/9/2023 |

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày ($^{\circ}\text{C}$) vượt GTLS từ ngày 01-10/10/2023

| Trạm khí tượng | GTLS tháng 10 | Năm xuất hiện | Giá trị vượt GTLS | Ngày xuất hiện giá trị vượt GTLS |
|-----------------------|----------------------|----------------------|--------------------------|---|
| Tuần Giáo (Điện Biên) | 35,1 | 2016 | 35,6 | 05/10/2023 |
| Điện Biên | 34,5 | 2016 | 35,7 | 05/10/2023 |
| Ngân Sơn (Bắc Kạn) | 32,5 | 2014 | 32,8 | 04/10/2023 |
| Bắc Kạn | 34,8 | 2011 | 34,9 | 04/10/2023 |
| Vĩnh Yên (Vĩnh Phúc) | 35,5 | 2021 | 35,8 | 06/10/2023 |
| Lạng Sơn | 33,7 | 1991 | 33,8 | 04/10/2023 |
| Mẫu Sơn (Lạng Sơn) | 26,2 | 2014 | 26,7 | 05/10/2023 |
| Bắc Sơn (Lạng Sơn) | 33,1 | 1980 | 33,3 | 05/10/2023 |
| Đình Lập (Lạng Sơn) | 34,2 | 2014 | 34,5 | 05/10/2023 |
| Hiệp Hòa (Bắc Giang) | 35,3 | 2021 | 35,5 | 05/10/2023 |

| Trạm khí tượng | GTLS tháng 10 | Năm xuất hiện | Giá trị vượt GTLS | Ngày xuất hiện giá trị vượt GTLS |
|------------------------|----------------------|----------------------|--------------------------|---|
| Bắc Giang | 35,0 | 2021 | 35,7 | 05/10/2023 |
| Phù Liên (Hải Phòng) | 34,0 | 2001 | 34,4 | 05/10/2023 |
| Láng (Hà Nội) | 35,5 | 2003 | 36,4 | 05/10/2023 |
| Hoài Đức (Hà Nội) | 34,8 | 2021 | 35,7 | 06/10/2023 |
| Hà Đông (Hà Nội) | 35,2 | 2021 | 35,5 | 05/10/2023 |
| Chí Linh (Hải Dương) | 35,6 | 2021 | 35,8 | 05/10/2023 |
| Nam Định | 34,4 | 2014 | 35,5 | 04/10/2023 |
| Phủ Lý (Nam Định) | 34,6 | 2014 | 35,0 | 04/10/2023 |
| Ninh Bình | 34,3 | 2021 | 35,0 | 04/10/2023 |
| Cúc Phương (Ninh Bình) | 33,7 | 2014 | 34,2 | 05/10/2023 |
| Thái Bình (Thái Bình) | 33,9 | 1976 | 34,5 | 04/10/2023 |
| Hòn Ngu (Nghệ An) | 32,2 | 2016 | 32,3 | 07/10/2023 |
| Hoành Sơn (Hà Tĩnh) | 32,1 | 2019 | 32,7 | 06/10/2023 |
| Côn Đảo (Vũng Tàu) | 32,8 | 2015 | 33,0 | 08/10/2023 |
| Càng Long (Trà Vinh) | 34,5 | 2015 | 34,6 | 08/10/2023 |
| Sóc Trăng | 34,0 | 2019 | 34,4 | 09/10/2023 |
| Thỏ Chu (Kiên Giang) | 34,5 | 2018 | 34,6 | 07/10/2023 |

Bảng 4: Lượng mưa (mm) ngày cao nhất vượt GTLS từ ngày 11-30/9/2023

| Trạm khí tượng | GTLS lượng mưa ngày trong tháng 9 trước đó | Năm xuất hiện GTLS | Giá trị vượt GTLS | Ngày xuất hiện giá trị vượt GTLS |
|-----------------------|---|---------------------------|--------------------------|---|
| Mẫu Sơn (Lạng Sơn) | 99,5 | 2018 | 141,6 | 13/9/2023 |
| Hoài Đức (Hà Nội) | 111,3 | 2018 | 245,9 | 28/9/2023 |
| Bến Tre | 72,4 | 2017 | 84,2 | 19/9/2023 |
| Quỳ Châu (Nghệ An) | 262 | 2013 | 320,2 | 27/9/2023 |

Bảng 5: Lượng mưa (mm) ngày cao nhất vượt GTLS từ ngày 01-10/10/2023

| Trạm khí tượng | GTLS lượng mưa ngày trong tháng 10 trước đó | Năm xuất hiện GTLS | Giá trị vượt GTLS | Ngày xuất hiện giá trị vượt GTLS |
|----------------------------|--|---------------------------|--------------------------|---|
| Phiêng Lanh (Sơn La) | 86,4 | 1966 | 86,9 | 06/10/2023 |
| Hoành Sơn (Hà Tĩnh) | 258,4 | 2016 | 337,3 | 08/10/2023 |
| La Gi (Bình Thuận) | 143,9 | 1982 | 151 | 10/10/2023 |
| Huyện Trăn (B.R. Vũng Tàu) | 123,1 | 2017 | 197,6 | 01/10/2023 |
| Cà Mau | 150,9 | 1962 | 182,8 | 02/10/2023 |